

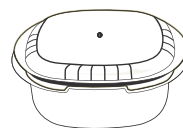
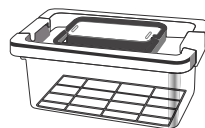
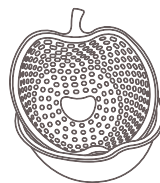
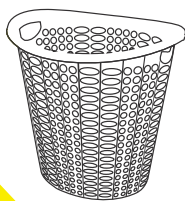


TÂN LẬP THÀNH plastic

Sản Phẩm Chất Lượng, Nhà Nhà Thịnh Vượng

SẢN PHẨM GIA DỤNG

Household product



tanlapthanh.com

GIỚI THIỆU INTRODUCTION

Công ty TNHH Nhựa Tân Lập Thành là đơn vị chuyên sản xuất nhựa gia dụng, hàng xuất khẩu, gia công sản phẩm quà tặng khuyến mãi, OEM phục vụ cho nhu cầu dân dụng, công nghiệp trong nước và ngoài nước.

Tan Lap Thanh Plastic Co., Ltd. is a specialized company in manufacturing household plastic products, exporting goods, processing promotional gifts, and providing OEM services to meet domestic and international consumer and industrial demands.

Nguồn gốc History

Công ty khởi đầu bằng một xưởng qui mô gia đình sản xuất một số sản phẩm gia dụng đơn giản. Năm 1993 được xem là một bước ngoặt lớn của Tân Lập Thành khi chuyển đổi từ hình thức hộ gia đình sang công ty TNHH. Năm 1997, nhà máy Tân Lập Thành Bình Tân có diện tích hơn 2 hecta được đầu tư dây chuyền sản xuất với trang thiết bị công nghệ từ các nước tiên tiến trên thế giới như Đài Loan, Nhật Bản đi vào hoạt động để phù hợp tình hình mới, hòa nhập vào sự phát triển chung của đất nước và thế giới. Năm 2016, nhà máy Tân Lập Thành Long An quy mô hơn 4 hecta ra đời đẩy mạnh nguồn cung ứng cho toàn hệ thống phân phối khu vực miền Tây và các nước nhanh chóng và thuận tiện.

The company began with a family-scale workshop producing some simple household products. The year 1993 marked a significant turning point for Tan Lap Thanh as it transitioned from a family business to a limited liability company. In 1997, the Tan Lap Thanh Binh Tan factory, spanning over 2 hectares, was established, equipped with production lines and state-of-the-art technology imported from advanced countries such as Taiwan and Japan. This facility commenced operations to adapt to new circumstances, integrating into the general development of the country and the world. In 2016, the Tan Lap Thanh Long An factory, covering over 4 hectares, was established to bolster the supply chain for the entire distribution network in the Mekong Delta region and neighboring countries swiftly and conveniently.

Phương châm Motto

Lấy phương châm "Sản Phẩm Chất Lượng, Nhà Nhà Thịnh Vượng", Công ty TNHH Nhựa Tân Lập Thành đề ra nhiều chính sách thường xuyên nghiên cứu phân tích nhu cầu thị trường, đẩy mạnh tái đầu tư dây chuyền công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tính đa dạng, phong phú về chủng loại, màu sắc của sản phẩm qua đó khẳng định vị thế thương hiệu Tân Lập Thành trên thị trường trong nước. Đồng thời, Công ty mở rộng thị trường xuất khẩu trong khu vực Châu Á, Châu Âu và hướng tới các thị trường xa hơn.

With the motto "Quality Products, Prosperous Homes," Tan Lap Thanh Plastic Co., Ltd. implements various policies aimed at continuously researching and analyzing market demands. The company emphasizes reinvestment in technological production lines to enhance product quality and increase product diversity and richness in terms of types and colors. Through these efforts, Tan Lap Thanh asserts its brand position in the domestic market. Additionally, the company expands its export market to Asian and European regions, targeting even further markets.



CHỨNG NHẬN & GIẢI THƯỞNG CERTIFICATES & AWARDS



SMETA 4 - PILLAR



ISO 9001:2015



BSCI, ICTI



ISO 14001:2015



RCS, GRS



HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

KÝ HIỆU SYMBOL



1 - Polyethylene Terephthalate

Chịu được nhiệt dưới 50°C
Capable of withstanding below 50°C

2 - High-density Polyethylene

Chịu nhiệt ~ 110°C
Capable of withstanding ~ 110°C

3 - Vinyl / Polyvinyl Chloride

Tiếp xúc nhiệt sinh độc tố
Exposure to heat generates toxic fumes

4 - Low-density Polyethylene

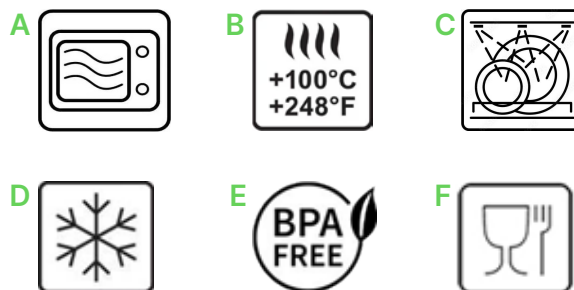
Chịu nhiệt thấp tốt. Điểm nóng chảy ~ 110°C
Resistant to low temperatures. Melting point ~ 110°C

5 - Polyethylene

Chịu nhiệt ~ 167°C
Tolerant to heat up to around ~ 167°C

6 - Polystyrene

Chịu nhiệt ~ 70°C
Tolerant to heat up to around ~ 70°C



A - Sử dụng được trong lò vi sóng

Suitable for use in microwave ovens

B - Nhiệt độ tối đa được sử dụng

The maximum operating temperature

C - Sử dụng được trong máy rửa chén

Suitable for use in dishwashers

D - Sử dụng được trong tủ đông

Suitable for use in freezers

E - BPA Free không chứa BPA (một chất gây ung thư)

BPA Free: does not contain BPA
(a carcinogenic substance)

F - An toàn khi đựng thực phẩm

Safe for food storage

MỤC LỤC 1

INDEX

★ SẢN PHẨM NỘI THẤT/ Furniture products 08

Bàn và ghế / Table and chair 06

Bàn / Table 06

Ghế / Chair 07

Kệ - Hộp giày - Móc áo / 11

Shelf - Shoes container - Cloth hanger

Kệ bếp / Kitchen shelf 11

Kệ góc / Corner shelf 14

Kệ dép / Shoes shelf 14

Hộp giày - Móc áo / Shoes container - Cloth hanger 15

★ SẢN PHẨM GIA DỤNG/ Household products 16

SẢN PHẨM CHỊU NHIỆT / Heat resisting products 17

Xô đá - Bình đá - Thùng đá / Ice bucket - Ice cooler 17

Bình nước - Bình giữ nhiệt / 19
Water bottle - Double-wall isolated water jug

Ca nước - Ca nhiệt / 21
Pitcher - Double-wall isolated water pitcher

Ly - Tách / Mug and cup 24

Hộp Happi Lock / Happi Lock container 26

Hộp thực phẩm / Food container 29

Thố - Camen / Bowl - Insulated lunchbox 35

**Catalogue mang tính chất tham khảo, có thể lệch so với thực tế.
Quý khách vui lòng liên hệ Tân Lập Thành Plastic để đáp ứng theo nhu cầu.*

**Catalogue is for reference only and may differ from reality.
Please contact Tan Lap Thanh Plastic to meet your needs.*

MỤC LỤC 2

INDEX

★ SẢN PHẨM GIA DỤNG / Household products 16

SẢN PHẨM NHÀ BẾP / Kitchen products 37

Tô - Chén - Dĩa / Bowl - Plate 37

Dao - Muỗng - Nĩa / Knife - Spoon - Fork 38

Hộp - Hũ / Box - Container 38

Ổng đũa - Thớt - Vá cơm / 39

Chopstick holder - Cutting board - Rice paddle

Mâm - Mẹt / Tray - Flat winnowing 41

Úp ly - Khay - Vĩ / Cup drainer - Tray - Dispencer 42

Cần xé / Basket 43

Giỏ / Hamper 43

Rổ / Basket 45

Bộ thau rổ / Basin & basket set 48

Sóng / Crate 51

Sọt / Basket 53

Gáo - Thau / Water mug and basin 55

Gáo / Water mug 55

Thau / Basin 55

Thau tắm bé / Bathing basin for baby 59

Thùng / Pail 60

Thùng / Pail 60

Thùng gạo / Rice container 61

Thùng rác - Hốt rác / Waste bin and dustpan 62

Xô / Bucket 64

**Catalogue mang tính chất tham khảo, có thể lệch so với thực tế.
Quý khách vui lòng liên hệ Tân Lập Thành Plastic để đáp ứng theo nhu cầu.*

**Catalogue is for reference only and may differ from reality.
Please contact Tan Lap Thanh Plastic to meet your needs.*

SẢN PHẨM NỘI THẤT

FURNITURE PRODUCTS

BÀN - GHẾ - KỆ

TABLE - CHAIR - SHELF



BÀN - GHẾ NHỰA

TABLE - CHAIR

Bàn / Plastic table



Bàn vuông nhỏ

Table - small

No. 50909	69.5×49×50.5 (cm)
1665 (g)	● ● ● ●



Bàn vuông lớn

Table - large

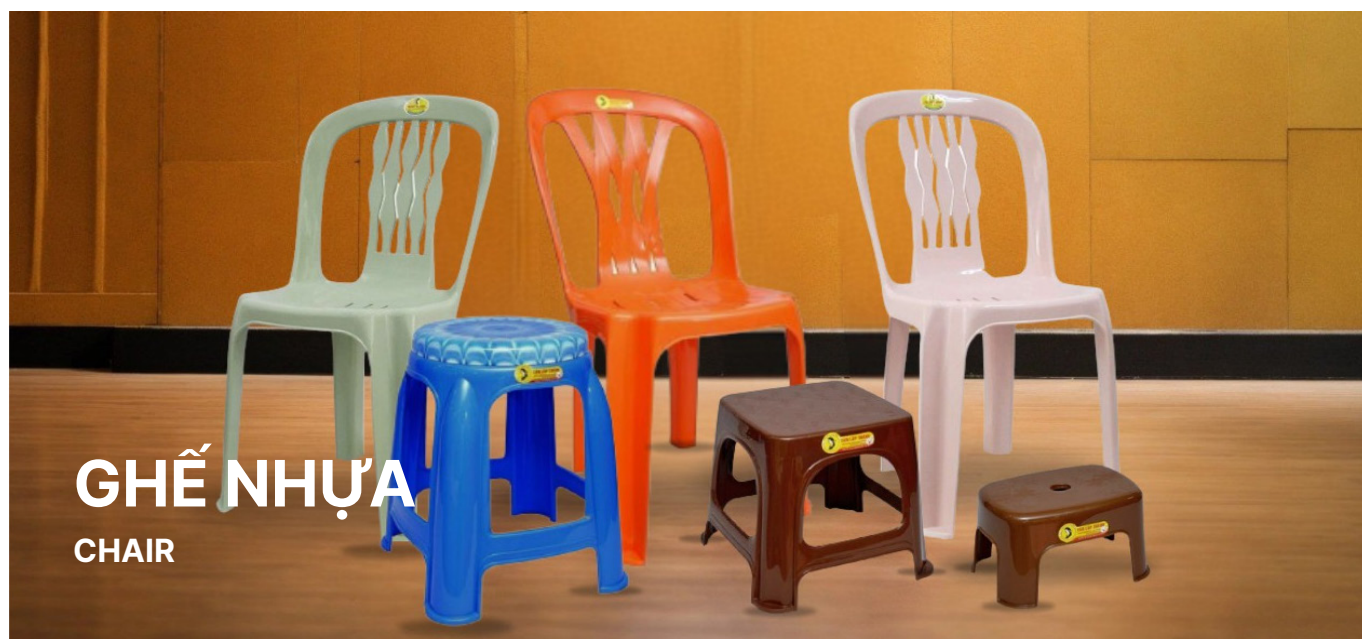
No. 010422	81.5×61.5×52.2 (cm)
2070 (g)	●



Bàn vuông Nhật

Table - Japanese style

No. 220922	57×49×44.5 (cm)
1145 (g)	○ ● ● ● ●



Ghế dựa / Armless chair



Ghế dựa VIP

Armless chair – VIP style

No. 151115	55.3×46.8×87 (cm)
2055 (g)	● ● ●



Ghế dựa Nhật

Armless chair – Japan style

No. 190330	49.6×42.2×83.8 (cm)
1745 (g)	● ● ● ●



Ghế dựa đại

Armless chair – large

No. 160101	55.5×47.2×84.2 (cm)
1750 (g)	● ● ● ●



Ghế dựa 3 sọc

Armless chair – 3 stripes

No. 980101A	49×43×83.5 (cm)
1670 (g)	● ● ● ● ● ●

Ghế dựa ghép

Armless chair – bicolor pattern

No. 160102	55.5×47.2×84.2 (cm)
1810 (g)	● ● ● ●



Ghế dựa kiểu

Armless chair – fashionable design

No. 010116	49.6×42.2×83.8 (cm)
1590 (g)	● ● ● ● ● ●

Ghế dựa sọc nhỏ

Armless chair – stripes – small

No. 010116	38×34.7×63.8 (cm)
865 (g)	● ● ● ● ●





Ghế dựa kiểu nhỏ (430)

Armless chair – no.430 – small

No. 170430	39.5×37.5×63.3 (cm)
945 (g)	● ● ● ● ●



Ghế bành / Arm chair

Ghế bành ghép

Arm chair – bicolor pattern

No. 151212	53×45×68.3 (cm)
1380 (g)	● ● ● ● ● ● ●



Ghế bành bát giác

Arm chair – octagon pattern

No. 151211	53×45×68.5 (cm)
1350 (g)	● ● ●



Ghế bành sọc

Arm chair – stripes

No. 150303	50.5×45.5×68.2 (cm)
1305 (g)	●



Ghế bành lưới

Arm chair – mesh pattern

No. 08108	49.7×45.8×68.2 (cm)
1350 (g)	● ● ●



Ghế cao / Tall stool



Ghế cao bông

Tall stool – flowers pattern

No. 010819	34×34×45 (cm)
680 (g)	● ● ● ●



Ghế cao bông bướm

Tall stool – flowers & butterfly pattern

No. 090720	36×36×46 (cm)
760 (g)	● ● ●



Ghế cao 08

Tall stool – no.08

No. 110708	34.5×34.5×45.5 (cm)
765 (g)	● ● ●

**Ghế cao bông nơ**

Tall stool – bow tie pattern

No. 090720	35.9×35.9×45.7 (cm)
780 (g)	● ●

**Ghế cao chuồn chuồn**

Tall stool – dragonfly pattern

No. 141111	36.8×36.8×44.8 (cm)
900 (g)	● ● ● ● ●

**Ghế cao cá heo**

Tall stool – dolphin pattern

No. 151215	35.8×35.8×44.8 (cm)
980 (g)	● ● ●

**Ghế cao bi**

Tall stool – saddle pattern

No. 201231	39.5×39.5×45 (cm)
1050 (g)	● ● ●

**Ghế cao hoa cương**

Tall stool – bicolor pattern

No. 160828	36×36×45.2 (cm)
980 (g)	● ● ●

**Ghế cao sọc**

Tall stool – stripes

No. 010819	34×34×45 (cm)
685 (g)	● ●

**Ghế cao sò**

Tall stool – shell pattern

No. 180101	36.5×36.5×45 (cm)
816 (g)	● ● ●

**Ghế cao trái tim**

Tall stool – heart pattern

No. 180101	36.5×36.5×45 (cm)
816 (g)	● ● ●

**Ghế cao tổ ong**

Tall stool – beehive pattern

No. 171020	38×36.5×46.8 (cm)
985 (g)	● ●

**Ghế cao vuông**

Tall stool – square

No. 090722	34.5×34.5×45 (cm)
714 (g)	● ● ●

**Ghế cao gỗ**

Tall stool – wooden pattern

No. 221130	36.8×36.8×45 (cm)
950 (g)	● ● ● ●

Ghế lùn / Mini stool



Ghế lùn 03

Mini stool – no.03

No. 120730	28×28×25.8 (cm)
390 (g)	● ●



Ghế lùn bút chì

Mini stool – pencil pattern

No. 150524	27×27×26 (cm)
325 (g)	● ● ●



Ghế lùn cũ

Mini stool – old design

No. 010827	29.8×29.8×26.2 (cm)
490 (g)	● ● ●



Ghế lùn chuồn

Mini stool – dragonfly pattern

No. 150715	29×29×26 (cm)
360 (g)	● ● ● ●



Ghế lùn sò

Mini stool – shell pattern

No. 180102	29.5×29.5×26 (cm)
375 (g)	● ● ●



Ghế lùn kiểu

Mini stool – fashionable design

No. 010828	28×28×26 (cm)
370 (g)	● ● ● ●



Ghế lùn Nhật

Mini stool – Japanese design

No. 220923	27.5×27.5×26 (cm)
355 (g)	● ● ● ●

Ghế mini bông

Mini stool – flower pattern

No. 120525	25×18×15 (cm)
212 (g)	● ● ● ● ● ●



Ghế khác / Other chair

Ghế baby

Baby chair

No. 180630	36.3×35×45 (cm)
866 (g)	● ● ● ● ● ●



Ghế tai thỏ

Mini stool – rabbit ears

No. 160716	27.5×27×38.3 (cm)
525 (g)	● ● ● ● ●





Kệ bếp / Kitchen shelf

Kệ bếp

Kitchen shelf

2 tầng / 2-tier	No. 150308	41×20×28.5 (cm)	454 (g)
3 tầng / 3-tier	No. 150308	41×20×47 (cm)	694 (g)
4 tầng / 4-tier	No. 150308	41×20×66 (cm)	934 (g)



2 tầng / 2-tier



3 tầng / 3-tier



4 tầng / 4-tier

Kệ nhỏ

Small kitchen shelf

2 tầng / 2-tier	No. 081214	39.7×28.7×28.5 (cm)	458 (g)
3 tầng / 3-tier	No. 081214	39.7×28.7×47.3 (cm)	700 (g)
4 tầng / 4-tier	No. 081214	39.7×28.7×65.7 (cm)	942 (g)



2 tầng / 2-tier



3 tầng / 3-tier



4 tầng / 4-tier

Kệ bầu

Oval kitchen shelf

2 tầng / 2-tier	No. 90606	51.3×30.2×34.8 (cm)	966 (g)
3 tầng / 3-tier	No. 90606	51.3×30.2×56.6 (cm)	1407 (g)
4 tầng / 4-tier	No. 90606	51.3×30.2×78 (cm)	1848 (g)
Phụ kiện	Nút / button tray 2g	Bánh xe / with wheel 48g	



2 tầng / 2-tier



3 tầng / 3-tier



4 tầng / 4-tier

Kệ lưới nhỏ

Small shelf – mesh pattern

2 tầng / 2-tier	No. 61101	44.5×31.5×38 (cm)	860 (g)
3 tầng / 3-tier	No. 61101	44.5×31.5×60.7 (cm)	1276 (g)
4 tầng / 4-tier	No. 61101	44.5×31.5×83.3 (cm)	1692 (g)
Phụ kiện	Nút 2g	Bánh xe 48g	Ống đũa 50g



Kệ lưới



Có bát
With bottom tray



Có bánh xe và ống đũa
With wheel & chopsticks holder

Kệ lưới trung

Medium shelf – mesh pattern

2 tầng / 2-tier	No. 081212	50×35.2×39.8 (cm)	1020 (g)
3 tầng / 3-tier	No. 081212	50×35.2×63.3 (cm)	1516 (g)
4 tầng / 4-tier	No. 081212	50×35.2×87 (cm)	2012 (g)
Phụ kiện	Nút 2g	Bánh xe 48g	Ống đũa 50g



Kệ lưới



Có bát
With bottom tray



Có bánh xe và ống đũa
With wheel & chopsticks holder

Kệ lưới lớn

Large shelf – mesh pattern

2 tầng / 2-tier	No. 61108	65.5×41.7×43.6 (cm)	1958 (g)
3 tầng / 3-tier	No. 61108	65.5×41.7×71 (cm)	2727 (g)
4 tầng / 4-tier	No. 61108	65.5×41.7×99 (cm)	3496 (g)
Phụ kiện	Nút 2g	Bánh xe 48g	Ống đũa 50g



Kệ lưới



Có bát
With bottom tray



Có bánh xe và ống đũa
With wheel & chopsticks holder

Kệ sọc nhỏ

Small shelf – striped pattern

2 tầng / 2-tier	No. 151101	44×30×37 (cm)	880 (g)
3 tầng / 3-tier	No. 151101	44×30×59.5 (cm)	1306 (g)
4 tầng / 4-tier	No. 151101	44×30×81.5 (cm)	1732 (g)
Phụ kiện	Nút 2g	Bánh xe 48g	Ống đũa 50g



Kệ sọc



Có bát
With bottom tray



Có bánh xe và ống đũa
With wheel & chopsticks holder

Kệ sọc trung

Medium shelf – striped pattern

2 tầng / 2-tier	No. 151102	50.5×35.5×40 (cm)	1060 (g)
3 tầng / 3-tier	No. 151102	50.5×35.5×64 (cm)	1576 (g)
4 tầng / 4-tier	No. 151102	50.5×35.5×87.3 (cm)	2092 (g)
Phụ kiện	Nút 2g	Bánh xe 48g	Ống đũa 50g



Kệ sọc



Có bát
With bottom tray



Có bánh xe và ống đũa
With wheel & chopsticks holder

Kệ sọc lớn

Large shelf – striped pattern

2 tầng / 2-tier	No. 151103	61.5×40.5×45 (cm)	1500 (g)
3 tầng / 3-tier	No. 151103	61.5×40.5×74 (cm)	2331 (g)
4 tầng / 4-tier	No. 151103	61.5×40.5×103 (cm)	3112 (g)
Phụ kiện	Nút 2g	Bánh xe 48g	Ống đũa 50g



Kệ sọc



Có bát
With bottom tray



Có bánh xe và ống đũa
With wheel & chopsticks holder

Kệ nắp nhỏ 2 ngăn + 1 mâm

Small shelf with 2 compartments + 1 tray

No. 191108	47×34×78 (cm)
3123 (g)	



Kệ nắp nhỏ 3 ngăn + 1 mâm

Small shelf with 3 compartments + 1 tray

No. 191108	47×34×110 (cm)
4420 (g)	



Kệ nắp lớn 2 ngăn + 1 mâm

Large shelf with 2 compartments + 1 tray

No. 191109	59.5×38.5×85.5 (cm)
4554 (g)	



Kệ nắp lớn 3 ngăn + 1 mâm

Large shelf with 3 compartments + 1 tray

No. 191109	59.5×38.5×120 (cm)
6483 (g)	



Kệ đĩa

Dish drainer

Mâm + vỉ	No. 90712	47.5×36×10 (cm)	748 (g)
Mâm	No. 90712B	45.5×34.2×3.8 (cm)	358 (g)
Vỉ	No. 90712A	47.5×36×9.3 (cm)	390 (g)



Kệ treo tường

Hanging shelf

	59.8×19×13 (cm)
454 (g)	



Kệ góc / Corner shelf

Kệ góc

Corner shelf

3 tầng / 3-tier	No. K090601	33.4×23.3×60.5 (cm)	634 (g)
4 tầng / 4-tier	No. K090601	33.4×23.3×86 (cm)	888 (g)
Phụ kiện	Nút 2g	Vĩ xà phòng 19g	



2 tầng / 2-tier



3 tầng / 3-tier



4 tầng / 4-tier

Kệ dép / Shoe shelf

Kệ dép bàn chân

Shoe shelf

2 tầng / 2-tier	No. 141001	47×19.3×39.2 (cm)	442 (g)
3 tầng / 3-tier	No. 141001	47×19.3×58.3 (cm)	647 (g)
4 tầng / 4-tier	No. 141001	47×19.3×77 (cm)	852 (g)



2 tầng / 2-tier



3 tầng / 3-tier



4 tầng / 4-tier

Kệ dép / Kệ dép lưới

Shoe shelf – mesh pattern

3 tầng / 3-tier	No. 010107	55.3×21.8×60 (cm)	902 (g)
4 tầng / 4-tier	No. 010107	55.3×21.8×80.5 (cm)	1196 (g)



3 tầng / 3-tier



4 tầng / 4-tier

Hộp giày - Móc áo / Shoes container - Cloth hanger



Hộp giày

Shoes container

No. 190815	34.5×26.0×18.15 (cm)
623 (g)	☐ ☒ ☐ ☐



Móc áo

Cloth hanger

No. 120820	41×19.5×0.7 (cm)
53 (g)	



Móc áo đẹp

Cloth hanger – thin

No. 230628	41.3×19.7×0.6 (cm)
55 (g)	

Móc em bé

Baby clothspin

Móc áo Capco 529	47.8×21.6×1 (cm)	33.1 (g)
Móc áo Capco 470	42.7×21.6×0.97 (cm)	30.6 (g)



SẢN PHẨM GIA DỤNG

HOUSEHOLD PRODUCTS

SẢN PHẨM CHỊU NHIỆT
SẢN PHẨM NHÀ BẾP

HEAT RESISTING PRODUCTS
KITCHEN PRODUCTS



SẢN PHẨM CHỊU NHIỆT

HEAT RESISTING PRODUCTS

XÔ ĐÁ - BÌNH ĐÁ - THÙNG ĐÁ

ICE BUCKET - ICE COOLER

Xô đá / Ice bucket

Xô đá

Ice bucket

Nhỏ / small (3600ml)	No. 141112	20.5×19.5×18.5 (cm)	155 (g)
Lớn / large (5350ml)	No. 141113	24×22×21 (cm)	230 (g)



Xô đá vuông

Square ice bucket

Nhỏ / small (3450ml)	No. 160911	18×16.8×17 (cm)	164 (g)
Lớn / large (5400ml)	No. 160912	20.5×19.3×19.5 (cm)	234.6 (g)



Xô đá Nhật

Japanese ice bucket

Nhỏ / small	No. 141112	20.5×19.5×18.5 (cm)	155 (g)
Lớn / large	No. 141113	24×22×21 (cm)	230 (g)



Bình đá / Ice cooler



Bình đá

Ice cooler

1L	No. 190301	15.4×14.1×17 (cm)	256.5 (g)
3L	No. 190303	20.6×19×21.7 (cm)	540.5 (g)
5L	No. 190305	23.8×22.4×25 (cm)	769.5 (g)
7L	No. 190307	26.2×24.6×27.7 (cm)	885 (g)
9L	No. 190309	28.3×26.7×30 (cm)	1164 (g)
12L	No. 190312	30×28.3×33.3 (cm)	1323 (g)
14L	No. 190314	31.7×30×35 (cm)	1557 (g)
18L	No. 190318	34.2×32.5×38 (cm)	1915 (g)
22L	No. 181028	37.3×36×39.3 (cm)	2380 (g)
27L	No. 190327	39.9×36.2×41.7 (cm)	2970.5 (g)



Bình đá Nhật 1L

Japanese ice cooler

1L	No. 190301	15.4×14.1×17 (cm)	255 (g)
----	------------	-------------------	---------



Bình đá trà sữa ống hút

Milk Tea Ice Jug with Straw

No. 241212	13.7×12.8×16.6 (cm)	270 (g)
------------	---------------------	---------



Thùng đá / Ice cooler

Thùng đá vuông

Square ice cooler

25L	No. 200615	47×31.9×33.4 (cm)	3149 (g)
35L	No. 200616	53.8×36.5×37 (cm)	4036 (g)
55L	No. 200617	59.8×40.4×41.1 (cm)	5373 (g)



Thùng đá vuông 1L

1 -Liter Square ice cooler

1L	No. 240408	17.5×11.9×126 (cm)	275 (g)
----	------------	--------------------	---------



Thùng đá vuông 2L

2 -Liter Square ice cooler

2L	No. 240515	16.2×16.2×18.9 (cm)	469 (g)
----	------------	---------------------	---------





BÌNH NƯỚC - BÌNH GIỮ NHIỆT

WATER BOTTLE - DOUBLE WALL INSOLATED WATER JUG

Bình nước / Water bottle

Bình nước ECO (1000ml)

Eco water bottle (1000ml)

No. 160410	9.5×9.5×23.8 (cm)
104 (g)	● ●



Bình ống (1000ml)

Cylinder pitcher (1000ml)

	9×8×26.6 (cm)
152 (g)	● ● ● ●



Bình nước 1.5L

Water bottle 1.5L

No. 140212	15.3×10.8×25.8 (cm)
180 (g)	● ●



Bình nước AS

AS water bottle

No. 170209	17.5×14.5×20 (cm)
240 (g)	●



Bình nước học sinh (420ml)

Student water bottle

No. 150519	7.6×6.8×20 (cm)	114 (g)
	● ●	



Bình nắp mới 700ml - 1000ml

Water bottle with new lid

No. 130412	8.8×8.8×18.2 (cm)	83 (g)
No. 130413	8.8×8.8×25.8 (cm)	106 (g)



Bình nắp cũ 700ml - 1000ml

Water bottle with old lid

No. 130412	9×8.8×17.3 (cm)	82 (g)
No. 130413	8.8×8.8×24.8 (cm)	105 (g)



1.2L

1.5L

Bình nước Nhật 1.2L - 1.5L

Japanese water pitcher

No. 230701	13.3×8.3×17.5 (cm)	154 (g)
No. 230702	13.3×8.7×22.5 (cm)	182 (g)



Bình nhiệt quai xách

Thermal Bottle with Handle

No. 240905	9.5×17.1 (cm)
169 (g)	



Bình giữ nhiệt / Double-wall insulated water jug

Bình giữ nhiệt nhỏ - lớn

Double-wall insulated water jug (small-large)

Nhỏ / small (1490ml)	No. C090601	15×15×23 (cm)	384 (g)
Nhỏ có ngăn / small with compartments		15×15×23 (cm)	420 (g)
Lớn / large (2220ml)	No. C091101	15×15×32 (cm)	469 (g)
Lớn có ngăn / large with compartments		15×15×32 (cm)	505 (g)



Bình nhiệt 500ml-750ml-1000ml

Double-wall insulated water jug 500ml - 1000ml

No. 171201	9.9×9.3×17 (cm)	168 (g)
No. 171202	9.9×9.3×21 (cm)	198 (g)
No. 171203	11.8×11.5×22.5 (cm)	278 (g)



Bình nhiệt ống hút 500ml - 700ml

Double-wall insulated water jug with straw

No. 190626	11×10.6×18.7 (cm)	177 (g)
No. 190625	11×10.6×22 (cm)	203 (g)





CA NƯỚC - CA NHIỆT

PITCHER - DOUBLE WALL INSOLATED WATER PITCHER

Ca nước / Pitcher



Ca tròn 1.2L - 1.8L

Cylinder pitcher 1.2L - 1.8L

No. 110104	15.5×10.9×18.2 (cm)	130 (g)
No. 110105	17×12.3×21.2 (cm)	170 (g)



Ca tròn 2.3L

Cylinder pitcher 2.3L

No. 230525	18.7×14.7×17.3 (cm)
120 (g)	● ● ● ● ● ●



Ca tròn cafe (1400ml)

Cylinder pitcher coffee

No. 170517	15.3×11.3×17.6 (cm)
96 (g)	○ ● ● ● ● ●



Ca Elip (1700ml)

Pitcher – elip shape

No. 170301	20×9.1×26.4 (cm)
200 (g)	● ○ ●



Ca ly (1500ml)

Pitcher & cup

No. 90303	14.8×9×26.5 (cm)
240 (g)	● ● ● ● ● ●



Ca bột 2L

Pitcher with lid

No. W091018	19×8.3×24 (cm)
193 (g)	○ ● ●





Ca bầu 1L - 1.5L - 2L - 2.5L

Oval pitcher

1L	No. 151201	14.3×10.4×15.2 (cm)	86 (g)
1.5L	No. 151202	16×11.8×15.7 (cm)	115 (g)
2L	No. 151203	17.5×13×17.7 (cm)	155 (g)
2.5L	No. 151204	17.5×13×20.7 (cm)	181 (g)



Ca Nhật

Pitcher – Japanese style

Nhỏ / small (720ml)	No. 220601	15.4×10.8×11.4 (cm)	54 (g)
Trung / medium (1000ml)	No. 220602	16.6×11.6×14.1 (cm)	74 (g)
Lớn / large (1400ml)	No. 220603	17.9×12.7×16.5 (cm)	98.5 (g)



Ca Ý 1L - 1.6L

Pitcher - Italian style

1L	No. 230221	13.6×9.4×21.6 (cm)	160 (g)
1.6L	No. 230222	15.7×10×24.8 (cm)	234 (g)



Ca Envoy 1L - 1.6L

Envoy pitcher

1L	No. 230221	13.5×9.6×19.4 (cm)	178 (g)
1.6L	No. 230222	15.5×11.1×22.3 (cm)	296 (g)



Ca cao

Tall pitcher

No. 150126	12.7×9×22.3 (cm)
128 (g)	



Ca Ý 1L

Pitcher 1L - Italian style

No. 160806	12.3×9.4×21.6 (cm)
157 (g)	



Ca nhiệt / Double-wall insulated water pitcher

Ca nhiệt Nhật

Double-wall insulated water pitcher – Japanese style

Nhỏ / small (800ml)	No. 150511	15.2×11×20 (cm)	226 (g)
Trung / medium (1300ml)	No. 150512	17×13×22.2 (cm)	313 (g)
Lớn / large (2000ml)	No. 150513	19×14.8×25.3 (cm)	436 (g)



Ca nhiệt gấu

Double-wall insulated water pitcher – bear pattern

Nhỏ / small (800ml)	No. 150511	15.2×11×20 (cm)	226 (g)
Trung / medium (1300ml)	No. 150512	17×13×22.2 (cm)	313 (g)
Lớn / large (2000ml)	No. 150513	19×14.8×25.3 (cm)	436 (g)



Ca cách nhiệt cafe

Double-wall insulated water pitcher – coffee

Nhỏ / small (500ml)	No. 190101	11.8×9.3×15.9 (cm)	173 (g)
Trung / medium (750ml)	No. 190102	13.3×10.5×18.1 (cm)	234 (g)
Lớn / large (2000ml)	No. 190103	14.2×11.2×19.9 (cm)	287 (g)



Ca nhiệt

Double-wall insulated water pitcher

Nhỏ / small (760ml)	No. 081216	14.5×11.5×19.2 (cm)	222 (g)
Trung / medium (1250ml)	No. 081217	16.8×14×21.5 (cm)	340 (g)
Lớn / large (2200ml)	No. 08218	19.8×16.7×25 (cm)	530 (g)



Ca nhiệt kiểu

Double-wall insulated water pitcher – fashionable design

Nhỏ / small (800ml)	No. 200801	14.7×11.5×17.5 (cm)	223 (g)
Trung / medium (1400ml)	No. 200802	17×13.9×19.7 (cm)	308 (g)
Lớn / large (2200ml)	No. 200803	20.3×16.5×24 (cm)	507 (g)



LY - TÁCH

CUP - MUG



Ly nước / Cup



Ly (450ml)
Plastic cup

	8.2×7.5×15.5 (cm)
85 (g)	● ● ●



Ly cao (450ml)
Tall cup

	8.1×8.1×14.6 (cm)
43 (g)	● ● ●



Ly 2 màu (420ml)
Bicolor cup

No. 150808	9×9×11 (cm)
63 (g)	● ● ● ● ● ● ● ●



Ly AS
AS cup

Nhỏ / small (350ml)	7.5×7.5×12 (cm)	70 (g)
Trung / medium (500ml)	8.5×8.5×13.5 (cm)	90 (g)
Lớn / large (600ml)	8.5×8.5×15 (cm)	92 (g)



Ly nhon nhon (240ml)
Nhon Nhon cup

	7.2×7.2×10.5 (cm)
16 (g)	●



Ly tam giác 2 màu (400ml)
Bicolor triangle cup

No. 230102	8.8×8.8×10.4 (cm)
58.5 (g)	● ● ● ● ● ● ● ●

○



Ly ống hút nhỏ (700ml)

Small cup with straw

AS	No. 151127	9.8×9.8×15.3 (cm)	102.1 (g)
PS	No. 151127	9.8×9.8×15.3 (cm)	73 (g)



Ly ống hút lớn (1000ml)

Big cup with straw

No. 180918	11.2×11.2×15.2 (cm)
82 (g)	



Ly quai 2 lớp (700ml)

Double-layer cup with handle

No. 250102	13.5×10.4×11.9 (cm)
135 (g)	



Ly quai nắp (530ml)

Cup with handle and lid

No. 170102	12.2×8.8×14.3 (cm)
119 (g)	



Ly quai ống hút (500ml)

Cup with straw handle

No. 231030	12.3×9.4×13.3 (cm)
137.5 (g)	



Ly nhiệt ống hút cao

High thermos cup with straw

No. 240406	9.4×19 (cm)
144 (g)	

Ly xúc xích teen (270ml)

Teen hot dog cup

	8.2×7.5×15.5 (cm)
17.5 (g)	



Ly kem PS (124ml)

Ice cream PS cup

	7×7×4.7 (cm)
7 (g)	



Tách nước / Mug

Tách 2 màu nhỏ (350ml)

Bicolor mug – small

No. 150531	11×8.8×8.5 (cm)
58 (g)	



Tách 2 màu lớn (430ml)

Bicolor mug – large

No. 141214	13.2×9.4×7.8 (cm)
80 (g)	



Tách 2 tầng (330ml)

2-tiered mug

No. 170302	12.5×9.5×6.5 (cm)
60 (g)	



Tách sen (380ml)

Mug – lotus pattern

No. 90303A	10.5×8.3×9.5 (cm)
33 (g)	





HAPPI LOCK

HỘP ĐỰNG THỰC PHẨM FOOD CONTAINER

Hộp Happi Lock G / Happi Lock food container G series



G501 (530ml)



G502 (850ml)

G501	No. 130501	12.5×12.5×7 (cm)	92 (g)
G502	No. 130502	12.5×12.5×10 (cm)	104 (g)

○



G503 (1140ml)



G504 (1430ml)

G503	No. 130503	12.5×12.5×13 (cm)	120 (g)
G504	No. 130504	12.5×12.5×16 (cm)	142 (g)

○

Hộp Happi Lock H / Happi Lock food container H series



H210 (440ml)



H220 (1500ml)

H210	No. H091111	12.5×12.5×7 (cm)	73 (g)
H220	No. H091113	18.2×18.2×10.4 (cm)	200 (g)

○



H211 (780ml)



H212 (1100ml)

H211	No. H091112	12.5×12.5×11.5 (cm)	92 (g)
H212	No. H091113	12.5×12.5×16 (cm)	116 (g)

○



No. H091118	19×12.5×4.5 (cm)
H310 (600ml)	142 (g)

○



No. H091117	19.3×12.5×6.6 (cm)
H410 (780ml)	146 (g)

○



No. H130707	19×12.5×9 (cm)
H415 (1260ml)	160 (g)

○



No. H091115	22.9×15.2×7.5 (cm)	
H420 (1350ml)	240 (g)	○



No. H091114	27×18.3×8.7 (cm)	
H430 (2200ml)	309 (g)	○

Hộp Happi Lock L / Happi Lock food container L series



No. H100202	10.5×8.5×8.3 (cm)	
L202 (350ml)	70.5 (g)	○



No. H100204	10.5×8.5×4.8 (cm)	
L204 (180ml)	58 (g)	○



No. H100206	13.3×10×18.5 (cm)	
L206 (1360ml)	145 (g)	○



No. H100208	13.3×10×12.3 (cm)	
L208 (920ml)	108 (g)	○



No. H100210	13.3×10×5.3 (cm)	
L210 (350ml)	90 (g)	○



No. H100212	12×12×18.5 (cm)	
L212 (1400ml)	150 (g)	○



No. H100214	12×12×12 (cm)	
L214 (970ml)	108 (g)	○



No. H100216	12×12×6 (cm)	
L216 (420ml)	90 (g)	○



No. H100218	22.5×22.5×10.8 (cm)	
L218 (2500ml)	255 (g)	○



No. H100220	19.8×19.8×9.5 (cm)	
L220 (1600ml)	192 (g)	○



No. H100222	17×17×8.3 (cm)	
L222 (1000ml)	132 (g)	○



Hộp Happi Lock N305 (1400ml)

Happi Lock N305

No. 130501	19.6×19.6×8 (cm)
233 (g)	○



Hộp Happi Lock N323 (1130ml)

Happi Lock N323

No. 140323	20.4×14.4×7 (cm)
158 (g)	○



Hộp Happi Lock TH171 (1500ml)

Happi Lock TH171

No. 171212	19.4×19.4×11 (cm)
165 (g)	○



Hộp T601 (940ml)

Happi Lock T601

No. 160601	12×12×14.8 (cm)
114 (g)	○



Hộp T602 (1170ml)

Happi Lock T602

No. 160602	12×12×17.8 (cm)
132 (g)	○



Hộp eo 530 (1000ml)

Happi Lock eo 530

No. 160530	22×14×6.6 (cm)
130 (g)	○



Hộp Happi Lock tròn (1420ml)

Happi Lock - round shape

No. 140730	15.7×15.4×12.3 (cm)
127 (g)	○



Hộp Happi Lock K717 (3300ml)

Happi Lock K717

No. H120717	17×17×22.3 (cm)
241 (g)	○





HỘP - THỐ - CAMEN

BOX - BOWL - INSULATED LUNCHBOX

HỘP - HỘP THỰC PHẨM

BOX - FOOD CONTAINER



Hộp cơm (1200ml)

Lunch box

No. 020502	18.5×12.8×7.8 (cm)
184 (g)	● ● ● ● ● ●



Hộp cơm 2 tầng (1200ml)

Lunch box – 2 compartments

No. 170602	20×13×8.7 (cm)
182 (g)	● ●



Hộp cơm 3 ngăn (1200ml)

Lunch box – 3 compartments

No. 170603	17.5×13.5×8 (cm)
138 (g)	● ● ●

Hộp PS

PS box

130		15.2×15.2×5.2 (cm)	130 (g)
150		15.2×15.2×5.43 (cm)	150 (g)
170		15.2×15.2×5.48 (cm)	170 (g)



130



150



170

Hộp bánh flan size 0/1/2/3

Flan plastic mold

0 (125ml)		7.4×7.4×5 (cm)	25.7 (g)
1 (90ml)		7.4×7.4×3.8 (cm)	11.7 (g)
2 (65ml)		6.3×6.3×3.3 (cm)	8.1 (g)
3 (55ml)		6.3×6.3×3.2 (cm)	7.7 (g)





Hộp AZ 01/ 02/ 03

AZ container

01 (1000ml)	No. 130101	13×13×9.3 (cm)	91 (g)
02 (1500ml)	No. 130102	13×13×13.8 (cm)	122 (g)
03 (2000ml)	No. 130103	13×13×18.3 (cm)	148 (g)



Hộp con sò

Shell shape container

Nhỏ / small (630ml)	No. 150501	17×13.8×6.3 (cm)	78 (g)
Lớn / large (1450ml)	No. 150502	22×17.5×8 (cm)	138 (g)



Hộp bầu

Oval container

Nhỏ / small (760ml)	No. 80810	20×10.8×6 (cm)	79 (g)
Trung / medium (1520ml)	No. 80809	24×14×7.2 (cm)	120 (g)
Lớn / large (3000ml)	No. 80808	29.2×16.8×7.8 (cm)	188 (g)



Hộp bầu đục

Oval opaque container

Nhỏ / small (760ml)	No. 80810	20×10.8×6 (cm)	79 (g)
Trung / medium (1520ml)	No. 80809	24×14×7.2 (cm)	120 (g)
Lớn / large (3000ml)	No. 80808	29.2×16.8×7.8 (cm)	188 (g)



Hộp bầu K

Rounde rectangular container K series

Nhỏ / small (500ml)		18.8×9.8×5.8 (cm)	70 (g)
Trung / medium (1000ml)		22.7×12.5×7 (cm)	100 (g)
Lớn / large (1750ml)		27.8×15.5×8 (cm)	160 (g)



Hộp bầu bộ 3

Combo of 3 oval container



3L



4.5L

Hộp kem

Ice cream container

3L		25.7×17.3×9.5 (cm)	161 (g)
4.5L		35.1×15.7×11.5 (cm)	254 (g)



Hộp trái tim (700ml)

Heart shape container

No. 150503	14×12.2×9.5 (cm)
71 (g)	Yellow, Brown, Blue



Hộp mút AS

Candy container

No. 160716	23×23×10 (cm)
293 (g)	Blue, Red



Hộp nút

Button box

Nhỏ / small (800ml)	No. 181201	18.7×12.5×5.7 (cm)	86 (g)
Trung / medium (1500ml)	No. 181202	22.5×14.6×7.2 (cm)	130 (g)
Lớn / large (2400ml)	No. 181203	26.2×16.2×9 (cm)	169 (g)



Hộp nút bộ 3

Combo of 3 button box



Hộp lá

Food container – leaf series

1 (150ml)	No. 110805-1	9×6.7×3.8 (cm)	17 (g)
2 (270ml)	No. 110805-2	11×8.3×4.5 (cm)	26 (g)
3 (450ml)	No. 110805-3	13.2×9.6×5.5 (cm)	44 (g)
4 (740ml)	No. 110805-4	15.5×11.2×6.3 (cm)	60 (g)
5 (1200ml)	No. 110805-5	17.5×13.2×7.3 (cm)	78 (g)



Hộp lá bộ 3 (2-3-4)

Combo of 3 leaf container



Hộp lá bộ 5

Combo of 5 leaf container



Hộp Kiwi

Food container – kiwi series

Nhỏ / small (1100ml)	No. 100405	18.2×12.8×7.3 (cm)	90 (g)
Trung / medium (1500ml)	No. 100406	20.5×14.3×8.5 (cm)	116 (g)
Lớn / large (2300ml)	No. 100407	22.9×16×9.4 (cm)	156 (g)



Hộp Kiwi bộ 2

Combo of 2 kiwi container



Hộp Kiwi bộ 3

Combo of 3 kiwi container

Trung / medium Lớn / large

Nhỏ / small Trung / medium Lớn / large



Hộp quai

Container with 2 locking handles

Nhỏ / small (760ml)	No. 71011	16.9×12.6×6.2 (cm)	88 (g)
Trung / medium (1500ml)	No. 71010	21.8×15.6×7.3 (cm)	133 (g)
Lớn / large (2320ml)	No. 71012	25.7×17.8×8.3 (cm)	183 (g)



Hộp quai bộ 3

Combo of 3 container with 2 locking handles



Hộp quai vuông

Square container with 2 locking handles

Nhỏ / small (1000ml)	No. 80501	17.2×16×7.2 (cm)	130 (g)
Trung / medium (2000ml)	No. 80502	20.4×19×8.2 (cm)	170 (g)
Lớn / large (3000ml)	No. 80503	23.2×22×9 (cm)	224 (g)



Hộp quai vuông bộ 3

Combo of 3 square container with 2 locking handles

Hộp thực phẩm 2 quai

Food container with 2 handles

Nhỏ / small (1250ml)	No. 110425	21.4×13×9.5 (cm)	172 (g)
Trung / medium (3300ml)	No. 110426	26×17×12.5 (cm)	328 (g)
Lớn / large (7000ml)	No. 110427	31×20.5×16 (cm)	450 (g)



Hộp gài

Lock container

Dài / long (2000ml)	No. 240103	29.5×13.5×7.5 (cm)	157 (g)
Chữ nhật / rectangular (680ml)	No. 240102	14.5×12×6.2 (cm)	70 (g)
Vuông / large (580ml)	No. 240101	12.5×12×6.2 (cm)	63 (g)



Hộp gài bộ 3

Combo of 3 container with 2 locking handles



Hộp quai xách đa năng (7000ml)

Multi-purpose carrying container

No. 170903	31.3×22×17.5 (cm)
375 (g)	



Hộp thực phẩm

Food container

No. 170427	24.9×17×6.7 (cm)
160 (g)	





THỐ - CAMEN

BOWL - INSULATED LUNCHBOX



Thố
Bowl

Nhí / mini (320ml)	No. 111111	11.8×10.3×6.5 (cm)	30 (g)
Nhỏ / small (750ml)	No. 000126	16×14.5×8.3 (cm)	66 (g)
Trung / medium (1400ml)	No. 70523	18.2×18×9.7 (cm)	90 (g)
Lớn / large (3000ml)	No. 70522A	24×22.7×11.3 (cm)	155 (g)



Thố bộ 3
Combo of 3 bowl

Nhỏ / small Trung / medium Lớn / large



Thố vuông
Square bowl with lid

Nhỏ / small (1060ml)	No. 111105	16.7×14.8×8.5 (cm)	94 (g)
Trung / medium (1780ml)	No. 111106	20.3×18×9.5 (cm)	138 (g)
Lớn / large (2850ml)	No. 111107	25×21.8×10.3 (cm)	215 (g)



Thố vuông bộ 3
Combo of 3 square bowl

Nhỏ / small Trung / medium Lớn / large



Thố tháp

Geometry bowl with lid

Nhỏ / small (1200ml)	No. 160405	16.7×16.7×9.8 (cm)	100 (g)
Lớn / large (2090ml)	No. 160406	19.4×19.4×11.4 (cm)	150 (g)



Thố súp (1000ml)

Soup bowl with lid

No. 140731	17×15.7×9.5 (cm)
113 (g)	●



Thố Envy

Envy bowl

Nhỏ / small	No. 231101	15.6×13.9×8.1 (cm)	65 (g)
Trung / medium	No. 231102	19×17.4×9.5 (cm)	88 (g)
Lớn / large	No. 231103	24.4×22.6×11.9 (cm)	166 (g)



Thố Envy bộ 3

Combo of 3 Envy bowl



Camen (1300ml)

Insulated lunchbox

No. 180412	13.8×13.8×17 (cm)
315 (g)	● ● ● ● ● ● ●



Thố hoa (1000ml)

Bowl with flower shape lid

No. 160301	17×17×9 (cm)
92 (g)	● ● ●





SẢN PHẨM NHÀ BẾP

KITCHEN PRODUCTS

Tô - Chén - Dĩa / Bowl - Plate

Tô 2 màu (870ml)

Bicolor bowl

No. 150105	15.3×15.3×7.5 (cm)
93 (g)	● ● ● ● ● ● ● ●



Chén 2 màu (400ml)

Bicolor bowl

No. 150104	11.5×11.5×6 (cm)
47 (g)	● ● ● ● ● ● ● ●



Dĩa 2 lớp

Plate - 2 layers

No. 170317	22.5×22.5×2.8 (cm)
103 (g)	●



Dĩa trái cây tim

Fruit plate - heart pattern

	32×32×7.5 (cm)
217 (g)	● ● ○ ● ●



Dĩa trái cây hoa

Fruit plate - flower pattern

	32×32×7 (cm)
213 (g)	● ● ○ ●



Dao - Muỗng - Nĩa / Knife - Spoon - Fork



Dao
Knife

	15.9 × 1.9 (cm)
3.5 (g)	☐



Muỗng súp
Soup spoon

	11.3×3.2 (cm)
4.3 (g)	☐



Muỗng thường
Spoon

	15 × 3.3 (cm)
3.9 (g)	☐



Muỗng kem
Ice cream spoon

	4.5×3×17.5 (cm)
3.3 (g)	☐



Muỗng kem dài
Ice cream spoon – long

	4.4×3×17.5 (cm)
33 (g)	☐



Nĩa gấp
Fork – foldable

	14.8×2.55×1.55 (cm)
3.2 (g)	☐



Nĩa
Fork

Cũ / old		2.7×15 (cm)	3.15 (g)
Mới / new		2.8×15 (cm)	2.8 (g)

☐



Nĩa xúc xích AS
AS sausage fork

	9.96×0.98×0.28 (cm)
1.3 (g)	☐



Nĩa xúc xích PP
PP sausage fork

	9.96×0.98×0.28 (cm)
1.06 (g)	☐

Hộp - Hũ / Box - Container

Hộp khăn giấy

Tissue box

No. 180830	14×12.6×8.7 (cm)
100 (g)	☐



Hộp khăn giấy House

House tissue box

Nhỏ / small		16.1×11.0×9 (cm)	168 (g)
Lớn / large		21.7×11.7×9.4 (cm)	225 (g)

☐



Hũ gia vị (400ml)

Spice container

	8.7×8.7×9.8 (cm)
56.5 (g)	☐



Hũ gia vị PS (400ml)

Spice container – square – PS resin

No. 170901	11.5×11×7 (cm)
100 (g)	☐



ỐNG Đũa - THỚT - VÁ CƠM

CHOPSTICK HOLDER - CUTTING BOARD - RICE PADDLE

Ống đũa / Chopstick holder



Ống đũa 1

Chopstick holder – no.01

No. 120301	10.9×8.3×13.5 (cm)
32 (g)	● ● ● ●



Ống đũa 2

Chopstick holder – no.02

No. 120302	17.8×8.3×13.5 (cm)
55 (g)	○ ● ● ● ● ● ● ●



Ống đũa 3

Chopstick holder – no.03

No. 120303	23.3×8.2×13.6 (cm)
76 (g)	● ● ● ●



Ống đũa đại

Large chopstick holder

No. 151221	11.5×11.5×17 (cm)
68 (g)	● ● ● ●



Ống đũa cao cấp

Premium chopstick holder

No. 160214	11×11×14.3 (cm)
64 (g)	○ ● ● ● ● ● ● ●



Ống đũa đơn lớn

Large single chopstick holder

No. 210416	11.4×9.5×16.3 (cm)
46.5 (g)	● ● ● ●

Ống đũa đôi

Chopstick holder – double compartments

Nhỏ / small	No. 164	18×9×15 (cm)	56 (g)
Lớn / large	No. 140622	21.3×9.4×16.5 (cm)	90 (g)



Ống đũa 2 lớp

Double layers chopstick holder

No. 200216	12×12×14.5 (cm)
137 (g)	



Ống đũa nắp

Chopstick holder with lid

No. 131112	13.5×12.3×27.7 (cm)
235 (g)	



Ống đũa nắp tròn

Chopstick holder with round lid

No. 160216	13.5×13.5×28 (cm)
220 (g)	



Ống đũa Nhật

Chopstick holder – Japanese style

No. 160216	13.5×12.3×27.7 (cm)
240 (g)	

Ống đũa tròn Nhật

Circular chopstick holder - Japanese style

No. 210318	13×13×17.2 (cm)
71 (g)	

Ống đũa vuông Nhật

Square chopstick holder - Japanese style

No. 210317	12.6×12.6×18.6 (cm)
88 (g)	

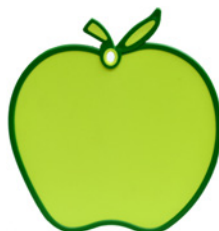
Thớt - Vá cơm / Cutting board - Rice paddle



Thớt cam

Orange shape cutting board

	29.5×24.5×0.9 (cm)
195 - 200 (g)	



Thớt táo

Apple shape cutting board

	27.5×25.5×0.9 (cm)
195 - 200 (g)	



Thớt đào

Peach shape cutting board

	26×25.5×0.9 (cm)
195 - 200 (g)	

Thớt vuông

Square cutting board

	27.5×25.5×0.9 (cm)
200 (g)	



Vá cơm

Rice paddle

	20.2×7.3×1.5 (cm)
32 (g)	





MÂM - MỆT

TRAY - PLATE

Mâm / Tray



Mâm viền

Tray

2T5	No. M090601	25×25×3.7 (cm)	78 (g)
3T	No. M090602	30×30×4 (cm)	133 (g)
3T5	No. M090603	35×35×4.4 (cm)	222 (g)
4T	No. M090604	39×39×4.5 (cm)	247 (g)
4T5	No. M090605	44×44×4.8 (cm)	335 (g)
5T	No. M090606	49×49×5 (cm)	450 (g)



ABS



PP

Mâm

Tray

ABS		41×30×1.8 (cm)	42 (g)
PP		41×30×1.8 (cm)	345 (g)



Nhỏ - lớn / small - large



Sọc / stripes

Mâm vuông

Square tray

Nhỏ / small	No. 41116	28.8×20.5×4 (cm)	120 (g)
Lớn / large	No. 51001	35.7×26.5×4 (cm)	166 (g)
Sọc / stripes	No. 90712B	45.5×34.2×3.8 (cm)	358 (g)



Mâm lộc thọ

Round tray of fortune and longevity

2T5	No. 230601	25×2.5 (cm)	73 (g)
3T	No. 230602	30×2.9 (cm)	110 (g)
3T5	No. 230603	35×3.3 (cm)	162 (g)



Mẹt / Plate

Mẹt nhựa giả tre

Plastic flat winnowing basket

2T8	No. 21021	28×28×2.4 (cm)	125 (g)
3T4	No. 210122	34×34×2.6 (cm)	196 (g)
4T2	No. 210123	42×42×3 (cm)	315 (g)



2T8



3T4



4T2



ÚP LY - KHAY - VĨ

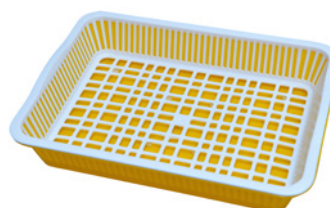
CUP DRAINER - TRAY - DISPENSER



Úp ly

Cup drainer

Nhỏ / small	No. 41116	28.8×20.5×4.5 (cm)	191 (g)
Lớn / large	No. 51001	35.7×26.5×4.5 (cm)	278 (g)



Úp ly sâu

Deep cup drainer

Nhỏ / small	No. 140908	30×22.3×6 (cm)	190 (g)
Lớn / large	No. 141104	34.2×25.2×6 (cm)	257 (g)



Nhỏ / small



2 lớp / 2-tier

Khay xà bông

Soap dish

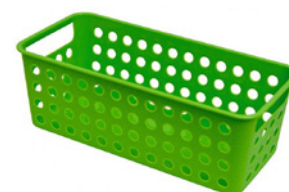
Nhỏ / small	No. 140908	11×1.8×8.2 (cm)	21 (g)
2 lớp / 2-tier	No. 141104	10.5×7.6×2.4 (cm)	48 (g)



Vĩ xà bông

Soap dispenser

No. 140909	28.3×13×10.2 (cm)
90 (g)	



Khay Nhật

Tray – Japanese style

No. 151015	28.3×13×10.2 (cm)
101 (g)	



Vĩ đá

Ice cup tray

No. 30722	23.3×8.8×3.2 (cm)
65 (g)	





CẦN XÉ - GIỎ

BASKET - HAMPER

Cần xé / Basket

Cần xé

Basket

Nhỏ / small	No. 120109	41×41×22.3 (cm)	315 (g)
Trung / medium	No. 120110	46×46×27 (cm)	465 (g)
Lớn / large	No. 120111	51×51×30 (cm)	605 (g)
Đại / Xlarge	No. 140923	53×53×33.5 (cm)	764 (g)



Nhỏ/ trung/ lớn - small/ medium/ large



Đại / Xlarge

Cần xé bông mai

Basket – apricot pattern

No. 140923	53.3×52.8×33.5 (cm)
760 (g)	● ● ● ●



Cần xé hoa bướm

Basket – flower & butterfly pattern

No. 170102	53×53×33 (cm)
785 (g)	●



Giỏ - giỏ rác / Hamper



Giỏ nắp

Hamper with lid

Nhỏ / small	No. 150509	37.5×25.8×21.5 (cm)	423 (g)
Lớn / large	No. 130322	45.5×30.5×24 (cm)	620 (g)
Đại / Xlarge	No. 130323	52.5×35.3×26.3 (cm)	843 (g)



Giỏ nắp hoa

Hamper with lid - flower pattern

Nhí / mini	No. 180600	34.5×22.5×18.5 (cm)	307 (g)
Nhỏ / small	No. 180601	40×26×21.5 (cm)	475 (g)
Lớn / large	No. 180602	47.4×31×24.2 (cm)	734 (g)
Đại / Xlarge	No. 180603	55.2×36.2×26 (cm)	1075 (g)





Giỏ bông

Hamper - flower pattern

Nhỏ / small	No. 220401	29×23.9×16.1 (cm)	235 (g)
Trung / medium	No. 220402	33.6×26.5×19.9 (cm)	323 (g)
Lớn / large	No. 220403	37.6×29.5×22.8 (cm)	414 (g)



Giỏ 2 quai bi

Hamper with two handles

Nhỏ / small	No. 130130	38.2×35.2×34.5 (cm)	
Lớn / large	No. 130505	44×41.3×39 (cm)	



Giỏ 2 quai Nhật

Hamper with two handles – Japan style

No. 110328	43.3×30.5×35.3 (cm)
623 (g)	● ● ● ●



Giỏ 2 quai Thái

Round hamper with 2 handles – Thai style

	No. 140701	41.5×41.5×32.2 (cm)	480 (g)
	No. 150915	41.5×41.5×32.2 (cm)	470 (g)
Lớn / large	No. 170502	36.5×36.5×28.2 (cm)	345 (g)
Đại / Xlarge	No. 170501	41.5×41.5×32 (cm)	489 (g)



Giỏ xách vuông

Hamper square pattern

Nhỏ / small	No. 121227	36×20×39 (cm)	329 (g)
Lớn / large	No. 121228	39×23×43 (cm)	430 (g)



Giỏ xách tròn

Hamper circle pattern

Nhỏ / small	No. 120313	38×18×37.3 (cm)	298 (g)
Lớn / large	No. 120314	41×19×41 (cm)	342 (g)



Giỏ xách kiểu

Hamper circle pattern – fashionable style

Nhỏ / small	No. 160701	38.5×18.5×38 (cm)	382 (g)
Lớn / large	No. 160702	42×18.5×40.5 (cm)	435 (g)



Giỏ rác bầu

Round square laundry hamper

Nhỏ / small	No. 010611	27.8×27.8×29 (cm)	295 (g)
Trung / medium	No. 010620	34×34×37.3 (cm)	465 (g)
Lớn / large	No. 010521	40×40×44 (cm)	705 (g)
Đại / Xlarge	No. 011214	43.7×43.7×55 (cm)	1125 (g)



Giỏ rác tròn

Round waste bin

No. 90709	26×26×26.5 (cm)
186 (g)	● ● ● ● ● ●



Rổ vuông

Rectangular basket with caro stripes

C1	No. 150111	24×18×8 (cm)	72 (g)
C2	No. 150112	27×21×9 (cm)	98 (g)
C3	No. 150113	30.5×24.5×10 (cm)	148 (g)
C4	No. 40702	34×27.5×11.5 (cm)	168 (g)
C5	No. 150115	38×31×13 (cm)	255 (g)



Rổ vuông chân nhỏ - lớn

Rectangular basket – small & large

Nhỏ / small	No. 80815	28×22.8×10.5 (cm)	138 (g)
Lớn / large	No. 80816	35×28.2×13.7 (cm)	250 (g)



Rổ chữ nhật

Rectangular basket – web pattern

T1	No. 180811	23×16.5×7 (cm)	55 (g)
T2	No. 180812	27×19.5×8 (cm)	82 (g)
T3	No. 180813	31.5×22×9 (cm)	125 (g)
T4	No. 180814	37×26×10.5 (cm)	160 (g)
T5	No. 180815	42×30×12 (cm)	215 (g)
T6	No. 180816	48×34×13.5 (cm)	308 (g)



Rổ quai

Round basket with handle

2T	No. 120421	20×18.4×6.8 (cm)	39 (g)
2T4	No. 120422	24×22.5×8 (cm)	59 (g)
2T8	No. 120423	28×26×9 (cm)	72 (g)
3T2	No. 120424	32×30×10 (cm)	100 (g)
3T6	No. 120425	36×34×11.8 (cm)	155 (g)
3T6	No. 180313	36×32×13.5 (cm)	142 (g)
3T6 mới	No. 150419	36×32.5×12 (cm)	150 (g)
4T	No. 120426	40×37.8×12.8 (cm)	203 (g)





Rổ cái bi

Round basket with round hollow

2T	No. 180801	20×18.5×7 (cm)	45 (g)
2T4	No. 180802	24×22.3×8 (cm)	67 (g)
2T8	No. 180803	28×26.3×9 (cm)	93 (g)
3T2	No. 180804	32×30×10.5 (cm)	124 (g)
3T6	No. 180805	36×34×11.5 (cm)	161 (g)
4T	No. 180806	40×38×13 (cm)	204 (g)
4T2	No. 200511	41.5×41.5×14.5 (cm)	265 (g)
4T6	No. 200512	45.5×45.5×16 (cm)	319 (g)
5T	No. 200513	49×49×17 (cm)	372 (g)



Rổ bầu

Round rectangular basket

2T2	No. 150725A	22.2×22.2×8.4 (cm)	64 (g)
2T2	No. 111107B	22×22×9 (cm)	83 (g)
3T2	No. 130716	31.5×31.5×11 (cm)	122 (g)
4T5	No. 130909		



Rổ bầu bi 3T2

Round basket with round hollow 3T2

No. 150422	31.5×29.5×11 (cm)
152 (g)	● ● ●



Rổ

Rectangular basket

Nhật	No. 101212	23×15×10.6 (cm)	86 (g)
Quai Nhật	No. 130715	31×22.2×8.5 (cm)	120 (g)



Rổ chữ nhật

Rectangular basket – web pattern

No. 131112	30×24.2×11.8 (cm)
181 (g)	●



Rổ mặt trời

Round basket – sunflower hollow

No. 160427	29×29×9 (cm)
95 (g)	●



Rổ mặt trời nắp

Round basket with lid – sunflower hollow

No. 130534	39.5×39.5×13.5 (cm)
480 (g)	●



Rổ hoa mặt trời

Round basket – sun pattern

No. 160728	31×31×11 (cm)
175 (g)	○ ● ● ● ●



Rổ vuông mặt trời

Square basket - sun pattern

No. 160606	22.5×22.5×10.5 (cm)
100 (g)	● ● ● ○



Rổ tròn

Round basket

No. 160820-2	27×25×9 (cm)
75 (g)	● ● ● ●



Rổ lượn sóng

Wave basket

No. 170226	25.5×25.5×9.5 (cm)
80 (g)	● ● ● ● ●



Rổ vuông mây

Square basket

No. 160626	25×25×6.2 (cm)
93 (g)	●



Rổ lục giác

Hexagon basket

No. 170605	34.5×32×11 (cm)
175 (g)	● ●



Rổ vương miện

Crown basket

No. 151130	20×20×9.4 (cm)
96 (g)	○ ● ● ● ● ● ●



Rổ trái cây

Fruit basket

No. 150730	28.2×23.3×9.3 (cm)
107 (g)	● ● ●



Rổ trái dâu

Strawberry shape basket

No. 160426	30.5×26×8.8 (cm)
85 (g)	● ● ● ● ● ●



Rổ trái táo

Apple shape basket

No. 160501	29.5×27.5×9.5 (cm)
105 (g)	● ● ●

Rổ gạo

Circular rice basket

No. 160820-1	25.3×23×8.4 (cm)
80 (g)	●



Rổ đựng nấm

Mushroom basket

	28.5×19×11 (cm)
156 (g)	○





BỘ THAU RỔ

BASIN & BASKET SET



3T



3T5

Bộ thau rổ tròn

Round basin & basket set

3T	No. 120809	29×29×10.5 (cm)	225 (g)
3T5	No. 120810	34×34×12 (cm)	329 (g)



Nhỏ / small



Lớn / large

Bộ thau rổ xoay

Rotating double wash basin drain basket

Nhỏ / small	No. 170212	25×23.5×11.5 (cm)	193 (g)
Lớn / large	No. 170213	28×27×13 (cm)	265 (g)





Bộ thau rổ 3

Round basket set of 3

No. 160820	28.8×26.9×9.8 (cm)
271 (g)	



Bộ thau rổ lá

Basin & basket set – leaf shape

No. 150113	31.8×16.8×10 (cm)
235 (g)	● ●



Có nắp / with lid



Không nắp / without lid

Bộ thau rổ 3 lớp

Basin & basket – 3 layers

Có nắp	No. 170227	32×27.5×14.5 (cm)	335 (g)
Không nắp	No. 170227	32×27.5×9.5 (cm)	240 (g)



Có nắp / with lid



Không nắp / without lid

Bộ thau rổ 5 cánh

Basin & basket set – 5 petal flower shape

Có nắp	No. 170907	27.5×27.5×15 (cm)	320 (g)
Không nắp	No. 170907	27.5×27.5×11.3 (cm)	240 (g)



Có nắp / with lid



Không nắp / without lid

Bộ thau rổ cá

Basin & basket set – fish shape

Có nắp	No. 150701	39×22×11 (cm)	260 (g)
Không nắp	No. 150701	39×22×8.5 (cm)	190 (g)



Thau rổ bầu / round rectangular



2T8 / 3T2

Bộ thau rổ bầu

Round rectangular basin & basket set

	No. 111107	25.5×22×9.5 (cm)	215 (g)
2T8	No. 150617	28×26×10.5 (cm)	250 (g)
3T2	No. 130716	31.5×31.5×12 (cm)	290 (g)



Nhỏ / small



Lớn / large

Bộ thau rổ bầu bi

Round rectangular polka dot basin & basket set

Nhỏ / small	No. 220221	26.4×20.2×7.5 (cm)	145 (g)
Lớn / large	No. 220222	29.7×23.0×8.4 (cm)	195 (g)



Bộ thau rổ mặt trời

Round basin & basket set – sunflower set

No. 160427	31.5×30.5×9.8 (cm)
255 (g)	●



Bộ thau rổ vuông mặt trời

Square basin & basket sunflower hollow set

No. 160606	25×23.5×11 (cm)
250 (g)	●



Bộ thau rổ vuông bi

Basin & basket set – polka dots

No. 170731	29.2×25.8×7.5 (cm)
205 (g)	●



Bộ thau rổ cũ (Nhật)

Old basin & basket set

No. 110722	32.5×23.3×9 (cm)
225 (g)	● ● ● ● ●



Bộ thau rổ rau

Veggie basin & basket set

No. 130313B	27.5×23.5×12 (cm)
195 (g)	●



Bộ thau rổ hoa lá

Round basin & basket set – flowers & leaves

No. 170715	29.5×28×9 (cm)
205 (g)	● ● ●



Bộ thau rổ cúc

Basin & basket set – daisy set

No. 150725	25.5×23.5×9 (cm)
170 (g)	●



Bộ thau rổ hoa mai

Basin & basket set – apricot pattern

No. 160101	24.5×24.5×8.5 (cm)
151 (g)	● ● ● ● ●



Bộ thau rổ trái dâu

Strawberry design basin & basket set

No. 160426	31×27×9.2 (cm)
215 (g)	●



Bộ thau rổ táo

Apple design basin & basket set

No. 150114	31×29×10 (cm)
235 (g)	● ● ● ● ●



Bộ thau rổ xoài

Rectangular basin & basket set – oval

	27×15×7.5 (cm)
167 (g)	● ● ●



Bộ thau rổ đồng tiền

Round rectangular basin & basket set – oval

No. 110722 (Thau)	32.5×23.2×9 (cm)	225 (g)
No. 160522A (Rổ)		



Bộ thau rổ Oval

Oval basin & basket set

No. 130320	35.5×27×10.5 (cm)
260 (g)	● ● ● ● ●



Bộ thau rổ tam giác

Triangle basin & basket set

No. 180330	28×28×9.5 (cm)
205 (g)	● ● ● ● ● ● ●



Bộ thau rổ kéo

Multipurpose washing basin & basket set

No. 180531	27×25×11.5 (cm)
163 (g)	● ● ● ● ●



SÓNG

CRATE



Sóng trái cây mới - có nắp

Fruit crate - new design - with lid

No.200609-1	60×42.7×26 (cm)	1170 (g)
-------------	-----------------	----------



Sóng trái cây mới - không nắp

Fruit crate - new design - without lid

No.200609-1		882 (g)
-------------	--	---------



Sóng trái cây nhỏ

Fruit crate - small

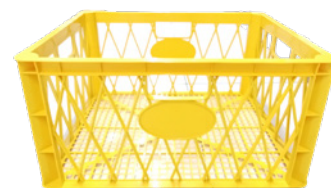
	39×30×15.5 (cm)
335 (g)	● ●



Sóng trái cây cũ

Fruit crate - traditional design

No. 200609	60×42.5×26 (cm)
1450 (g)	○ ● ● ● ●



Sóng sầu riêng

Durian crate

	46.4×37.4×21.7 (cm)
650 (g)	

Sóng oval

Oval crate

No. 090725	55.2×40.4×21.2 (cm)
475 (g)	



Sóng tròn

Circular crate

No. 140330	39×37.5×25.2 (cm)
340 (g)	



Sóng oval đại

Oval crate – large

No. 120616	59×46.5×28.8 (cm)
590 (g)	



Sóng sọc

Crate – stripe pattern

No. 305	35.3×35.3×10.8 (cm)
183 (g)	



Sóng tròn nhỏ

Circular crate – small

No. 131130	40.8×40.8×21.3 (cm)
290 (g)	



Sóng Nhật

Rectangular crate – Japanese style

No. 121230	42.7×30.2×13 (cm)
276 (g)	



Sóng sâu

Deep crate

No. 30423	44.5×31×15 (cm)
376 (g)	



Sóng đa năng

Multipurpose crate

No. 090805	40×34.2×14 (cm)
315 (g)	



Sóng ly

Cup crate

No. 30422	46.3×30.5×10.5 (cm)
285 (g)	





SỢT NHỰA

BASKET



Sọt ghép

Square laundry basket with reinforced handles

1	No. 150411	29×29×28.5 (cm)	250 (g)
2	No. 150412	31.5×31.5×32.5 (cm)	330 (g)
3	No. 150413	35.5×35.5×37.5 (cm)	445 (g)
4	No. 150414	41×41×45.5 (cm)	665 (g)



Nhỏ/ trung/ lớn - small/ medium/ large

Sọt Oval kiểu/ style

Sọt oval

Oval laundry basket

Nhỏ / small	No. 110818	32.7×28.8×32.2 (cm)	304 (g)
Trung / medium	No. 110606	40×34.5×39 (cm)	425 (g)
Lớn / large	No. 110918	46×41×45.5 (cm)	690 (g)
Kiểu / style	No. 131013	44×33×29.4 (cm)	323 (g)



Sọt tròn

Round laundry basket

Nhỏ / small	No. 120801	33×33×33 (cm)	270 (g)
Trung / medium	No. 120802	38×38×38 (cm)	406 (g)
Lớn / large	No. 120803	43×43×43 (cm)	570 (g)



Sọt tròn Thái

Round laundry basket – Thai style

Nhí / mini	No. 141103	16×16×15 (cm)	53 (g)
Nhỏ / small	No. 141102	20.5×20.5×19 (cm)	94 (g)
Lớn / large	No. 141101	26×26×25 (cm)	162 (g)



Sọt chữ nhật

Rectangular basket

No. 130202	37.5×27.5×32.5 (cm)
410 (g)	● ● ● ●



Sọt bầu kiểu

Oval laundry basket – fashionable design

No. 130408	35×35×31 (cm)
325 (g)	● ●





Sọt bầu lưới

Oval laundry basket – mesh pattern

Nhỏ / small	No. 010611	28×28×29 (cm)	295 (g)
Trung / medium	No. 010620	34×34×37.3 (cm)	465 (g)
Lớn / large	No. 010521	40×40×44 (cm)	705 (g)
Đại / Xlarge	No. 011214	44×44×55 (cm)	1125 (g)



Sọt bầu Nhật

Oval laundry basket – Japanese style

1	No. 210501	30.2×30.2×28.9 (cm)	349 (g)
2	No. 210502	32.2×32.2×32.5 (cm)	414 (g)
3	No. 210503	35.6×35.6×37.2 (cm)	519 (g)
4	No. 210504	40.7×40.7×43.8 (cm)	724 (g)
5	No. 210505	44.5×44.5×55 (cm)	1034 (g)



Sọt 2 quai bi nhỏ

Round basket with handle – small

No. 130130	38.2×35.2×34.5 (cm)
360 (g)	● ●



Sọt 2 quai bi lớn

Round basket with handle – large

No. 130505	44×41.3×39 (cm)
485 (g)	● ● ● ●



Sọt 2 quai thái (cộng)

Oval basket with 2 handles – vertical stripes

No. 120214	46.5×41×40.5 (cm)
715 (g)	● ● ○ ●



Sọt hoa A8

Round laundry basket A8 with flower

No. 170217	48×48×50 (cm)
820 (g)	● ●



Sọt bông mai

Round basket – apricot pattern

No. 151010	41×41×46 (cm)
760 (g)	● ● ●



Sọt trái tim đồng tiền

Square laundry basket – heart & bullion pattern

No. 160917	44×44×51.5 (cm)
1020 (g)	●

Sọt rác

Round basket with single handle

Quai / handle	No. 150401	27.3×26.2×26.8 (cm)	210 (g)
Hoa / flower	No. 171115	23×23×25.5 (cm)	205 (g)



Sọt rác quai / with handle



Sọt rác hoa / flower

GÁO - THAU

WATER MUG AND BASIN

Gáo nước

Water mug

1460ml	No. 131020	27.3×14.9×13 (cm)	90 (g)
--------	------------	-------------------	--------



Thau sâu

Deep basin

3T5	No. 120203		
3T5	No. 220206	34.4×34.4×15.2 (cm)	280 (g)
4T (14000ml)	No. 120204	39×39×17 (cm)	422 (g)
4T5 (20500ml)	No. 120202	44×44×19 (cm)	537 (g)
5T (26000ml)	No. 111229	48.5×48.5×20.3 (cm)	615 (g)
5T5 (35000ml)	No. 30410	53×53×22.5 (cm)	700 (g)
5T5 quai (35000ml)	No. 30410	53×53×22.5 (cm)	760 (g)



3T5 - 5T5



5T5 quai / 5T5 with handle

Thau sâu mới

New deep basin

1T8 (1000ml)	No. 180901	17.5×17.5×7 (cm)	50 (g)
2T (1300ml)	No. 180902	19.5×19.5×7.5 (cm)	60 (g)
2T2 (1700ml)	No. 180903	21.5×21.5×8 (cm)	75 (g)
2T4 (2300ml)	No. 180904	23.5×23.5×8.5 (cm)	80 (g)
2T6 (3000ml)	No. 180905	25.5×25.5×9 (cm)	105 (g)
2T8 (3600ml)	No. 180906	27.5×27.5×10 (cm)	135 (g)
3T (4400ml)	No. 180907	29.5×29.5×10.5 (cm)	160 (g)
3T2 (5500ml)	No. 180908	31.5×31.5×11 (cm)	165 (g)
3T6 (7600ml)	No. 180909	35.5×35.5×12.5 (cm)	220 (g)
4T (10000ml)	No. 180910	39.5×39.5×13.5 (cm)	260 (g)
4T5 (15800ml)	No. 180911	44.5×44.5×15 (cm)	400 (g)
5T (21000ml)	No. 180912	49.5×49.5×16.5 (cm)	602 (g)
5T6 (27000ml)	No. 1809013	55.5×55.5×18.5 (cm)	755 (g)
6T (36000ml)	No. 180914	60×60×21.5 (cm)	1020 (g)
6T5	No. 180915	65×65×23.5 (cm)	1286 (g)
7T (60000ml)	No. 180916	70×70×26 (cm)	1568 (g)





Thau siêu sâu bông

Deep basin with flower pattern

3T5	No. 220206	34.4×34.4×15.2 (cm)	280 (g)
4T	No. 120204	39×39×17 (cm)	422 (g)
4T5	No. 120202	44×44×19 (cm)	537 (g)
5T	No. 111229	48.5×48.5×20.5 (cm)	615 (g)



Thau sọc

Basin – stripes pattern

3T6 (8000ml)	No. 130919	35.5×35.5×11.8 (cm)	250 (g)
5T (22000ml)	No. 130818	49.5×49.5×16.5 (cm)	520 (g)
5T5 (25000ml)	No. 140512	53.5×53.5×17.5 (cm)	600 (g)
6T (34000ml)	No. 150130	58.5×58.5×19.5 (cm)	865 (g)



Thau bầu

Round square basin

3T2 (6500ml)	No. 130716B	31.5×31.5×10.4 (cm)	178 (g)
6T5 (51000ml)	No. 180705	65×65×23 (cm)	1250 (g)
8T5 (124000ml)	No. 180115	83×83×31 (cm)	2450 (g)



Thau 2 tầng / 2-tiers



Thau lưới / mesh

Thau

Bicolor basin

3 (3800ml)	No. 160820-3	29×27×9 (cm)	120 (g)
2 tầng (7200ml)	No. 171102	33.5×33.5×11.5 (cm)	205 (g)
Lưới (1900ml)	No. 170205	24.5×22×13.5 (cm)	98 (g)



Thau hoa

Flower shape basin

5T2 (21500ml)	No. 151207	51×49×16.5 (cm)	505 (g)
5T8 (29500ml)	No. 160118	56.5×54.5×18 (cm)	705 (g)



Thau lá chuối

Banana shape basin

Nhỏ / small (1100ml)	No. 150301	28.5×15×5.5 (cm)	76 (g)
Lớn / large (1750ml)	No. 150320	33×17×6.5 (cm)	124 (g)



Thau trái tim (2600ml)

Heart shape basin

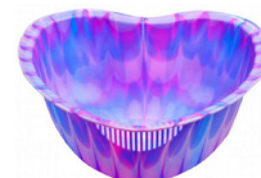
No. 160525	29×24×12 (cm)
155 (g)	



Thau trái tim đa sắc (2600ml)

Multi color heart shape basin

No. 160525	29×24×12 (cm)
155 (g)	



Thau kiểu

Round basin - fashionable design

3T (4400ml)	No. 120809	29×29×10.5 (cm)	153 (g)
3T5 (7100ml)	No. 120810	34×34×12 (cm)	197 (g)
4T (10500ml)	No. 210811	39×39×13 (cm)	310 (g)
5T5 (26300ml)	No. 210814	54×54×17 (cm)	628 (g)

○ ● ● ● ● ● ● ●



Thau kiểu đa sắc

Bicolor basin

2T5	No. 230911	24×24×8.6 (cm)	96 (g)
3T (4400ml)	No. 230912	29×29×10.5 (cm)	167 (g)
3T5 (7100ml)	No. 230913	34×34×12 (cm)	245 (g)

● ● ● ● ●

Thau kim cương bộ 3

Combo of 3 diamond shape basin

2T5	No. 230911	24×24×8.7 (cm)	96 (g)
3T	No. 230912	29×29×10.4 (cm)	167 (g)
3T5	No. 230913	34×34×12 (cm)	245 (g)

● ● ● ● ●

Thau thông minh (9000ml)

Smart wash & drain basin

No. 180428	30×29.5×20 (cm)
460 (g)	●



Thau quai miệng 2T2 (1200ml)

Round basin with handles 2T2

	22×20×7.5 (cm)
65 (g)	● ● ● ● ●



Thau quai

Round basin with handles

3T8 (8400ml)	No. 130530	37×35×11.5 (cm)	232 (g)
4T3 (12800ml)	No. 130529	42×40×13 (cm)	375 (g)
5T2 (21000ml)	No. 130330	50.8×49×15.2 (cm)	475 (g)

● ● ● ● ●

Thau Thái

Round basin – Thai design

2T (1300ml)	No. 100410	20×20×7 (cm)	62 (g)
2T5 (2450ml)	No. 100411	25×25×8 (cm)	103 (g)
3T (3800ml)	No. 100412	29.8×29.8×8.8 (cm)	140 (g)
3T6 (6650ml)	No. 100413	35×35×10.3 (cm)	265 (g)
4T (10500ml)	No. 100414	40×40×12.3 (cm)	336 (g)
4T5 (14500ml)	No. 101201	44.8×44.8×13.4 (cm)	415 (g)
5T (21000ml)	No. 101202	49.5×49.5×15 (cm)	550 (g)

● ● ● ● ● ● ● ●



Thau Thái đa sắc

Bicolor round basin – Thai design

2T (1300ml)	No. 100410	20×20×7 (cm)	66 (g)
2T5 (2450ml)	No. 100411	25×25×8 (cm)	103 (g)
3T (3800ml)	No. 100412	29.8×29.8×8.8 (cm)	154 (g)
3T6 (6650ml)	No. 100413	35×35×10.3 (cm)	265 (g)



Thau trong

Round basin – transparent

1T8 (1050ml)	No. 180	17×17×7.3 (cm)	46 (g)
2T (1600ml)	No. 200	20×20×8.4 (cm)	65 (g)
2T3 (2350ml)	No. 230	22.5×22.5×9 (cm)	77 (g)
2T8 (3900ml)	No. 275	27×27×10.2 (cm)	125 (g)
3T1 (5300ml)	No. 310	30.2×30.2×11 (cm)	190 (g)



Thau vuông

Square basin

5500ml	No. 120306v		178 (g)
1T8	No. 210510	17.5×17.5×6.8 (cm)	61 (g)
2T2 (2300ml)	No. 210511	21.5×21.5×8.3 (cm)	100 (g)
2T6 (3700ml)	No. 210512	25×25×9.7 (cm)	146 (g)
3T (6300ml)	No. 210513	28.5×28.5×11 (cm)	235 (g)
3T5 (10600ml)	No. 210514	33.3×33.3×12.8 (cm)	310 (g)
4T (16000ml)	No. 120308	38.2×38.2×14.8 (cm)	440 (g)
4T5 (23000ml)	No. 120309	43×43×17 (cm)	535 (g)
5T (20500ml)	No. 140222	49×49×15.5 (cm)	507 (g)



Thau vuông Nhật

Square basin – Japanese style

1T8	No. 210510	17.5×17.5×6.8 (cm)	61 (g)
2T2 (2300ml)	No. 210511	21.5×21.5×8.3 (cm)	100 (g)
2T6 (3700ml)	No. 210512	25×25×9.7 (cm)	146 (g)
3T (6300ml)	No. 210513	28.5×28.5×11 (cm)	235 (g)
3T5 (10600ml)	No. 120514	33×33×13 (cm)	310 (g)
4T (16000ml)	No. 210308	38.2×38.2×14.8 (cm)	440 (g)
4T5 (23000ml)	No. 120309	43×43×17 (cm)	535 (g)



Thau vuông đa sắc

Colorful square basin

1T8	No. 210510	17.5×17.5×6.8 (cm)	61 (g)
2T2 (2300ml)	No. 210511	21.5×21.5×8.3 (cm)	100 (g)
2T6 (3700ml)	No. 210512	25×25×9.7 (cm)	146 (g)
3T (6300ml)	No. 210513	28.5×28.5×11 (cm)	243 (g)
3T5 (10600ml)	No. 210514	33×33×13 (cm)	315 (g)

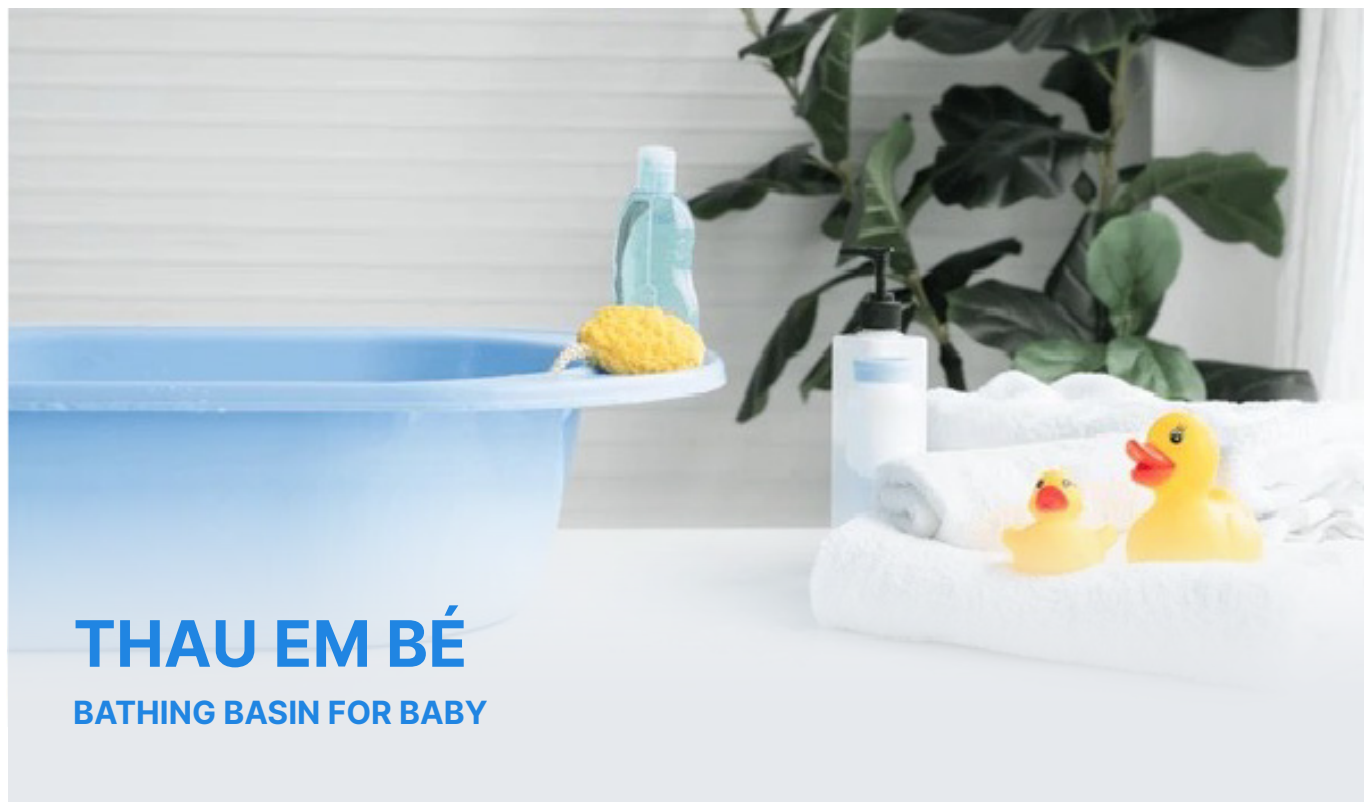


Thau viền

Basin with bold border

2T5 (2750ml)	No. 110418	25×25×9 (cm)	108 (g)
3T (4600ml)	No. 110711	29.8×29.8×10.5 (cm)	193 (g)
3T6 (7000ml)	No. 040101	34.7×34.7×11.5 (cm)	270 (g)
4T (9550ml)	No. 51016	38.8×38.8×12.2 (cm)	340 (g)
4T5 (14000ml)	No. 110915	43.7×43.7×14 (cm)	410 (g)
5T (19650ml)	No. 70510	48.7×48.7×16 (cm)	575 (g)





THAU EM BÉ

BATHING BASIN FOR BABY



Thau em bé nhỏ (25500ml)

Bathing basin for baby – small

No. 70307	72.7×45.8×20.8 (cm)	1040 (g)
-----------	---------------------	----------



Thau em bé lớn (45000ml)

Bathing basin for baby – large

No. 70505	85.8×51.8×23 (cm)	1450 (g)
-----------	-------------------	----------



Thau tắm con yêu nhỏ (19700ml)

Bathing basin for baby – small

No. 150506	63.5×40×20 (cm)	715 (g)
------------	-----------------	---------



Thau con yêu lớn (25500ml)

Bathing basin for baby – large

No. 150505	68×43×22.8 (cm)	890 (g)
------------	-----------------	---------



Bô em bé (3500ml)

Baby potty box

	22.6×22.6×15.8 (cm)	140 (g)
--	---------------------	---------





THÙNG NHỰA

PAIL

Thùng Lifan (39200ml)

Lifan storage pail

	53×36.7×31 (cm)
1728 (g)	●



Thùng vuông cao cấp (12300ml)

Square pail – premium pail

	31×22.8×24 (cm)
485 (g)	○



Thùng ngôi sao nhỏ (9500ml)

Rectangular pail – small

	42×30×10 (cm)
532 (g)	○



Thùng ngôi sao lớn (21000ml)

Rectangular pail – large

	42×30×22.7 (cm)
720 (g)	○



Thùng chữ nhật

Rectangular pail

5L	No. 210101	30.6×21.9×12.1 (cm)	365 (g)
10L	No. 210102	38.4×26.5×14.9 (cm)	572 (g)
15L	No. 210103	42.9×31×17.1 (cm)	787 (g)
30L	No. 210104	54.8×37.9×21.7 (cm)	1255 (g)

○ ●





THÙNG GẠO

RICE CONTAINER

Thùng gạo có nắp

Rice container with lid

10L	No. 140806	27.8×26.8×23 (cm)	420 (g)
25L	No. 190401	36.7×35.3×36.9 (cm)	825 (g)
35L	No. 190402	39.3×37.8×41.5 (cm)	1112 (g)
45L	No. 190403	44.7×43.2×47.3 (cm)	1456 (g)
50L	No. 160628	45×43.5×46.5 (cm)	1250 (g)
60L	No. 190404	49.3×47.5×51.8 (cm)	1957 (g)
80L	No. 190405	55×54×57 (cm)	2330 (g)
100L	No. 190406	55.9×54.5×64.2 (cm)	3030 (g)
120L	No. 190407	58.2×56.5×66.9 (cm)	3494 (g)
160L	No. 190408	65×62.8×72.6 (cm)	4530 (g)



10L



25L - 160L





THÙNG RÁC - XÚC RÁC

WASTE BIN - DUSTPAN

Thùng rác lật

Waste bin with swing lid

Nhỏ / small (9000ml)	No. 70606	24.6×20.8×38 (cm)	575 (g)
Trung / medium (22000ml)	No. 010404	33.3×27.4×50.8 (cm)	1130 (g)
Lớn / large (65000ml)	No. 60201	48×44.3×69.5 (cm)	2940 (g)
Tròn / round (8700ml)	No. 060309	22.7×22.7×40 (cm)	395 (g)



Nhỏ/ trung/ lớn - small/ medium/ large

Tròn / round

Thùng rác đạp

Pedal waste bin

Nhí / mini (2450ml)	No. 801101	18.1×17×21.5 (cm)	393 (g)
Nhỏ / small (7000ml)	No. 801102	25.5 × 23.5 × 31 (cm)	916 (g)
Trung / medium (11000ml)	No. 801103	29.3×25.6×38.5 (cm)	1439 (g)
Lớn / large (20000ml)	No. 801104	34.5×33.2×45.9 (cm)	2134 (g)



Thùng rác vuông

Square waste bin

15L	No. 191111	34×33×35.5 (cm)	1617 (g)
20L	No. 191112	34×33×43.5 (cm)	1997 (g)
25L	No. 191113	34×33×52 (cm)	2363 (g)



Thùng rác đơn vuông (5560ml)

Single square waste bin

No. 180120	19.5×18.3×24 (cm)
213 (g)	



Thùng rác đơn tròn (5560ml)

Single round waste bin

No. 180122	21×20×24 (cm)
200 (g)	



Thùng rác chữ nhật (5210ml)

Rectangular waste bin

No. 180124	25×13.2×24 (cm)
207 (g)	



Xúc rác

Dustpan

No. 1990	27.8×6.6×23.3 (cm)
168 (g)	



Xúc rác cán ngắn

Short handle dustpan

No. 160525	25.3×22.4×15.8 (cm)
200 (g)	





XÔ NHỰA

BUCKET



Xô có nắp

Bucket with lid

4L	No. 101106	21.2×19.8×20.7 (cm)	208 (g)
6L	No. 101107	23.5×21.8×22.5 (cm)	259 (g)
8L	No. 101108	26×24.5×25 (cm)	332 (g)
10L	No. 040609	27.5×26×27.5 (cm)	421 (g)
12L	No. 11016	29×27.4×28 (cm)	525 (g)
14L	No. 110117	30×29×30 (cm)	555 (g)
16L	No. 30520	32.3×30.8×31.2 (cm)	658 (g)
18L	No. 110115	33×31.8×34 (cm)	740 (g)
20L	No. 40617	35×33.3×36.5 (cm)	767 (g)



Xô không nắp

Bucket without lid

4L	No. 101106	21.2×19.3×18.2 (cm)	160 (g)
6L	No. 101107	23.5×21.5×20 (cm)	204 (g)
8L	No. 101108	25×23.5×22 (cm)	270 (g)
10L	No. 040609	27.5×25.6×23.8 (cm)	344 (g)
12L	No. 11016	29×26.9×25.2 (cm)	420 (g)
14L	No. 110117	30×28.5×27 (cm)	445 (g)
16L	No. 30520	32.3×30.2×28 (cm)	533 (g)
18L	No. 110115	33×31.5×31 (cm)	592 (g)
20L	No. 40617	35×32.8×32.5 (cm)	615 (g)





Xô trơn có nắp

Plain bucket with lid

4L	No. 180504	21.7×20×18.5 (cm)	218 (g)
6L	No. 180506	23.7×22×19.8 (cm)	272 (g)
8L	No. 180508	26.7×25×22.8 (cm)	335 (g)
10L	No. 180510	28.5×27×24.5 (cm)	430 (g)
12L	No. 180512	30.5×28.6×26.3 (cm)	482 (g)
14L	No. 180514	33.6×31.3×28.8 (cm)	602 (g)
16L	No. 180516	34.6×32.5×31 (cm)	679 (g)
18L	No. 180518	36.2×33.9×32 (cm)	751 (g)
20L	No. 180520	37×34.7×33.2 (cm)	770 (g)



Xô trơn không nắp

Plain bucket without lid

4L	No. 180504	21.7×19.6×18.2 (cm)	178 (g)
6L	No. 180506	23.7×21.6×19.7 (cm)	216 (g)
8L	No. 180508	26.7×24.5×22.7 (cm)	265 (g)
10L	No. 180510	28.5×27×24 (cm)	345 (g)
12L	No. 180512	30.5×28.2×26.2 (cm)	386 (g)
14L	No. 180514	33.6×30.8×28.7 (cm)	487 (g)
16L	No. 180516	34.6×32×30.7 (cm)	552 (g)
18L	No. 180518	36.2×33.5×31.7 (cm)	614 (g)
20L	No. 180520	37×34×33 (cm)	620 (g)



Xô Nhật có nắp

Bucket with lid – Japanese style

10L	No. 180510	29.1×27.1×26.2 (cm)	430 (g)
14L	No. 180514	33.3×31.2×30.8 (cm)	608 (g)
20L	No. 180520	37×34.6×35 (cm)	773 (g)



Xô Nhật không nắp

Bucket without lid – Japanese style

10L	No. 180510	28.8×27×24 (cm)	382 (g)
14L	No. 180514	33×30.8×28.7 (cm)	486 (g)
20L	No. 180520	36.5×34×33 (cm)	621 (g)



Có nắp / with lid



Không nắp / without lid

Xô 20L vôi

20L bucket with pouring mouth

Có nắp	No. 160420	34.3×34×34.5 (cm)	711 (g)
Không nắp	No. 160420	34.3×33.5×34 (cm)	578 (g)



Xô 20L quai sắt

Bucket 20L with metal handle

		32.5×32.5×33.5 (cm)	
--	--	---------------------	--





TÂN LẬP THÀNH plastic

Sản Phẩm Chất Lượng, Nhà Nhà Thịnh Vượng

CÔNG TY TNHH NHỰA TÂN LẬP THÀNH

TAN LAP THANH PLASTIC COMPANY LIMITED

Trụ sở chính

19 Triệu Quang Phục, P.10, Q.5, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (028) 3855 1043

Head Office

19 Triệu Quang Phục, Ward 10, District 5, Ho Chi Minh City
Tel: (+84 28) 3855 1043

Nhà máy

332A Hồ Ngọc Lâm, P.An Lạc, Q.Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (028) 3876 3876

Factory

332A Ho Ngoc Lam, An Lac Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City
Tel: (+84 28) 3876 3876

Chi nhánh

Quốc lộ 1A, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
Tel: (0272) 5429 8088

Branch

1A Route, My Yen Ward, Ben Luc District, Long An Province
Tel: (+84 272) 5429 8088



 info@tanlapthanh.com

 www.tanlapthanh.com

Hotline: (028) 3876 3876

App: TAN LAP THANH

